

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày 31-3-2022

V/v ly hôn giữa anh H, chị T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hiền

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Hoàng Quốc Mậu

2. Ông Trần Đình Mạnh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hải Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Trần Hoàng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2022/TLST - HNGĐ ngày 28-02-2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22-3-2022 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1991; Cư trú tại: Thôn C, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định.

2. **Bị đơn:** Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1993; cư trú tại: Số nhà 09, đường T, thị trấn T, tỉnh Lai Châu.

Tại phiên tòa: Anh H và chị T đều vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 28-02-2022, bản tự khai ngày 01-3-2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đỗ Thị T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 23-11-2017 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Nam Định. Sau thời gian kết hôn anh chị chung sống hòa thuận được 04 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp dẫn

đến hay cãi, chửi nhau; mặt khác chị T muốn chuyển công tác nhưng anh H không đồng ý dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Sau đó chị T chuyển công tác về quê ở thị trấn T, tỉnh Lai Châu thì hạnh phúc gia đình không còn nữa. Từ tháng 9 năm 2021 đến nay anh và chị T sống ly thân. Nay anh H xác định, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng nên không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này nữa. Vì vậy anh H xin ly hôn với chị T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh và chị T có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo V, sinh ngày 15-01-2019; từ thời điểm anh chị sống ly thân thì cháu V được mẹ nuôi dưỡng. Nay anh H đồng ý để chị T tiếp tục nuôi con, chị T không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con nên anh cũng không có ý kiến gì.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và các vấn đề khác có liên quan: Trong quá trình chung sống giữa anh và chị T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 07-3-2022 chị Đỗ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Lời trình bày về điều kiện kết hôn, thời gian vợ chồng đăng ký kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống, thời gian vợ chồng sống ly thân cũng như nguyên nhân mâu thuẫn gia đình như anh H đã khai. Nay anh H xin ly hôn, chị T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng. Vì vậy chị đồng ý ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị nhận tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo V, sinh ngày 15-01-2019. Hiện nay chị đang làm giáo viên tại trường Mầm non xã M, thu nhập trung bình là 6.000.000đ/tháng nên đủ điều kiện để chị nuôi con vì vậy chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản, công nợ và các nội dung khác liên quan: Chị và anh H không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 21-3 -2022, Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Nam Định cung cấp như sau: Anh Nguyễn Văn H và chị Đỗ Thị T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V vào ngày 23-11-2017, hiện nay chị Đỗ Thị T và cháu Nguyễn Bảo V không còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã M, huyện V, tỉnh Nam Định.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử:

- + Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Đỗ Thị T.
- + Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo V, sinh ngày 15-01-2019 cho chị Đỗ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T.
- + Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Đang sự không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.
- + Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Đỗ Thị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Số nhà 09, đường T, thị trấn T, tỉnh Lai Châu, tuy nhiên anh H và chị T có đơn chọn Tòa án nhân dân huyện V giải quyết vụ án, do đó Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Đỗ Thị T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại vào ngày 23-11-2017 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Nam Định, như vậy hôn nhân của anh H và chị T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được 04 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường hay cãi, chửi nhau nên dẫn đến hạnh phúc gia đình không có; anh chị đã sống ly thân từ tháng 9-2021 đến nay. Như vậy, sau thời gian kết hôn anh H và chị T không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không tôn trọng nhau, không gìn giữ, bảo vệ hạnh phúc gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và hiện nay anh chị đã sống ly thân. Như vậy, việc này trái với quy định tại Điều 19, Điều 21 Luật hôn nhân và

gia đình. Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân gia đình giữa anh H và chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H, xử cho anh H được ly hôn với chị T là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh H và chị T có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo V, sinh ngày 15-01-2019. Từ thời điểm anh H và chị T sống ly thân thì cháu V được chị T nuôi dưỡng. Nay ly hôn anh H và chị T cùng thống nhất để cháu V cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy cháu V còn nhỏ, chị T có đầy đủ điều kiện để nuôi dưỡng con, vì vậy chấp nhận nguyện vọng của anh H và chị T là giao cháu V cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 58; Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ và các nội dung khác liên quan: Anh H và chị T cùng xác định vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Đỗ Thị T.

2. Về con: Giao cháu Nguyễn Bảo V, sinh ngày 15-01-2019 (Hiện đang được chị T nuôi dưỡng) cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu V trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được.

Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Đỗ Thị T.

Anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng anh H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Đỗ Thị T.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn H phải nộp 300.000. Anh H đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số **0001402 ngày 28-02-2022** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được đối trừ (anh H đã nộp xong).

Anh Nguyễn Văn H và chị Đỗ Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã M;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hiến